

日本政府 奨学金

Học bổng Chính phủ Nhật Bản



在ホーチミン日本国総領事館
Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại TP.HCM



Japanese Government (MEXT) Scholarship

Học bổng Chính phủ Nhật Bản (MEXT)

Bộ giáo dục và công nghệ sẽ chi trả toàn bộ chi phí trên.

この全額を文部科学省が負担します。

Phí nhập học, học phí 入学金・授業料

**Học bổng hàng tháng khoảng 11 đến 14 man yên.
(khoảng 19,152,000 đến 24,549,000 VND)**

月々の奨学金 約11～14万円※

Vé máy bay giữa Nhật Bản và Việt Nam 往復航空券

※Trong trường hợp chương trình thạc sĩ hoặc tiến sĩ. Có thể thay đổi theo từng năm.

修士課程・博士課程の場合。年によって変わる可能性あり。

Chế độ học bổng Chính phủ Nhật Bản dành cho sinh viên nước ngoài 国費外国人留学生制度について

Có 2 cách thức tuyển chọn học bổng MEXT.

MEXT奨学金には2種類の選考方法があります。

1. Học bổng do Đại sứ quán Nhật Bản tiến cử 大使館推薦

Đại sứ quán Nhật Bản tiến hành tuyển chọn và tiến cử danh sách lên Bộ Giáo dục và Khoa học Nhật Bản (Mext)

日本大使館が行う選考に合格した者を文部科学省に推薦する

2. Học bổng do Trường đại học tiến cử 大学推薦

Đối tượng là những sinh viên du học theo khuôn khổ Hiệp định giao lưu giữa các trường đại học, trường đại học Nhật Bản sẽ tiến cử những sinh viên ưu tú lên Bộ Giáo dục và Khoa học Nhật Bản (Mext)

大学間交流協定により留学をする学生のうち、優秀な者を大学が文部科学省に推薦する

1. Đại sứ quán Nhật Bản tiến cử 大使館推薦

trình độ sau đại học 大学院レベル

① Lưu học sinh nghiên cứu sinh
(Research Students)

研究留学生

⑤ Lưu học sinh ngành giáo dục

教員研修留学生

trình độ đại học 大学レベル

② Lưu học sinh đại học
(Undergraduate Students)

学部留学生

③ Lưu học sinh cao đẳng
(College of Technology Students)

高等専門学校留学生

④ Lưu học sinh trung cấp chuyên nghiệp
(Specialized Training College Students)

専修学校留学生

⑥ Lưu học sinh ngành tiếng Nhật
và văn hóa Nhật Bản

日本語・日本文化研修留学生

① Lưu học sinh nghiên cứu sinh / Research Students

研究留学生

Đối với LHSNCS thì Kế hoạch nghiên cứu là quan trọng nhất.

Kế hoạch nghiên cứu

1. Chuyên ngành hiện tại

- (1) Đề tài luận văn tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học
- (2) Bản tóm tắt bằng tiếng Anh nội dung luận văn tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ※Gửi kèm theo luận văn tốt nghiệp

2. Chủ đề nghiên cứu sau khi sang Nhật Bản

- (1) Chủ đề nghiên cứu
- (2) Tóm tắt ※Đơn giản và rõ ràng.

3. Kế hoạch nghiên cứu:

(1) Phương pháp luận Methodology (Công thức tính metric formula, etc.), Số liệu sử dụng, Kết luận về mong muốn đạt được

(2) Tài liệu sử dụng

- *Thí sinh phải đọc các luận văn của giáo sư hướng dẫn có nguyện vọng đăng ký
- *Tài liệu tham khảo là các bài báo, bài viết khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín. Các bài báo đăng trên tạp chí thường và sách không được chấp nhận

(3) Ảnh, sơ đồ, biểu đồ

(4) Kế hoạch nghiên cứu

Cần chỉ rõ các mốc thời gian trong hoạt động nghiên cứu dự kiến

- ✓ Sau khi đỗ vòng tuyển chọn tại Đại sứ quán Nhật Bản thì các thí sinh cần liên lạc trực tiếp với trường đại học và giáo sư hướng dẫn tại Nhật Bản để xin cấp “Giấy đồng ý tiếp nhận”.
- ✓ Việc tìm hiểu trước thông tin về các trường đại học, đọc các luận văn nghiên cứu của giáo sư hướng dẫn vv..để chuẩn bị trước là rất quan trọng.

① Lưu học sinh nghiên cứu sinh / Research Students

研究留学生

- ❑ Có quốc tịch Việt Nam
- ❑ Đã tốt nghiệp đại học hoặc ~ dưới 35 tuổi
- ❑ Kết quả học tập tất cả các năm ở bậc đại học hoặc sau đại học cần đạt điểm trung bình trên 7.5 (theo thang điểm 10), trên 3.0 (theo thang điểm 4).
- ❑ Nếu có nguyện vọng nghiên cứu bằng tiếng Nhật cần có trình độ tiếng Nhật từ N2 trở lên.
- ❑ Nếu có nguyện vọng nghiên cứu bằng tiếng Anh cần có trình độ IELTS từ 6.5 trở lên.
- ❑ Có kế hoạch nghiên cứu cụ thể và lập luận chặt chẽ, có động cơ du học Nhật Bản rõ ràng.
- ❑ Ưu tiên những thí sinh có nộp kèm theo bản tóm tắt bằng tiếng Anh luận văn tốt nghiệp và bài viết luận mang tính học thuật bằng tiếng Anh (bài viết đã được đăng trên báo, tạp chí của giới học thuật).

② Lưu học sinh đại học / Undergraduate Students 学部留学生

Học dự bị tiếng Nhật (1 năm)

Nhập học vào trường đại học được phân
→ Học đại học 4 năm hoặc 6 năm (ngành y)

**Japanese
Language
1 year**



**Undergraduate
Course
4 or 6 years**

② Lưu học sinh đại học / Undergraduate Students

学部留学生

- ❑ Có quốc tịch Việt Nam
- ❑ Tốt nghiệp cấp 3 ~ dưới 25 tuổi
- ❑ Học lực cấp THPT: điểm trung bình trên 7.5
- ❑ Nếu học bằng tiếng Nhật (trình độ N3 trở lên và IELTS từ 5.5 trở lên)
- ❑ Nếu học bằng tiếng Anh (IELTS từ 6.0 trở lên)
- ❑ Người có động cơ du học Nhật Bản và kế hoạch học tập cụ thể và rõ ràng.
- ❑ Ưu tiên những thí sinh có thành tích cao trong kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) (Ngành khoa học xã hội: tiếng Nhật trên 280 điểm (bao gồm cả viết luận); Ngành khoa học tự nhiên: 2 môn khoa học + toán (course 2) đạt tổng trên 260 điểm)
- ❑ Ưu tiên những thí sinh có thành tích cao trong các giải quốc gia, khu vực và quốc tế như thi hùng biện, khoa học, thể thao, văn hóa, nghệ thuật.

③ Lưu học sinh cao đẳng kỹ thuật

College of Technology Students

高等専門学校留学生

Trường cao đẳng kỹ thuật : là hệ thống các trường đào tạo kỹ sư có kỹ năng thực hành tốt, khả năng sáng tạo cao.

Chuyên ngành : chế tạo máy, điện điện tử, thông tin truyền thông quản trị mạng, kiến trúc, xây dựng vv...

Học dự bị tiếng Nhật (1 năm)

Chuyển tiếp vào năm thứ 3 trường cao đẳng kỹ thuật

- Học kỹ thuật trong 3 năm
- Sau khi tốt nghiệp, tùy theo yêu cầu cụ thể có thể chuyển tiếp vào năm thứ 3 đại học

**Preparatory
course**

1 year



**Diploma
(Engineering)**

3 years

③ Lưu học sinh cao đẳng kỹ thuật

/ College of Technology Students

高等専門学校留学生

- ❑ Có quốc tịch Việt Nam
- ❑ Tốt nghiệp cấp 3 ~ dưới 25 tuổi
- ❑ Học lực cấp THPT: điểm trung bình trên 7.0
- ❑ Có tiếng Nhật N3 trở lên và Ielts 5.0 trở lên
- ❑ Có động cơ du học Nhật Bản và kế hoạch học tập cụ thể và rõ ràng.
- ❑ Ưu tiên những thí sinh có thành tích cao trong kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) (Ngành khoa học tự nhiên 1 + toán (course 2) đạt tổng trên 200 điểm)
- ❑ Ưu tiên những thí sinh có thành tích cao trong các giải quốc gia, khu vực và quốc tế như thi hùng biện, khoa học, thể thao, văn hóa, nghệ thuật.

④ Lưu học sinh trung cấp chuyên nghiệp

/ Specialized Training College Students 専修学校留学生

Trường trung cấp chuyên nghiệp : trường đào tạo kiến thức và kĩ năng chuyên môn, đào tạo chuyên gia trong nhiều lĩnh vực.

Chuyên ngành : công nghiệp, y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội, văn hóa (âm nhạc, phim hoạt hình) vv..

Học dự bị tiếng Nhật (1 năm)

Nhập học vào trường trung cấp chuyên nghiệp

→ Học chuyên môn 2 năm

→ Sau khi tốt nghiệp, tùy theo yêu cầu cụ thể có thể chuyên tiếp vào năm thứ 3 đại học

**Preparatory
course**

1 year



**Specialized
Course**

2 years

④ Lưu học sinh trung cấp chuyên nghiệp

/ Specialized Training College Students 専修学校留学生

- ❑ Có quốc tịch Việt Nam
- ❑ Tốt nghiệp cấp 3 ~ dưới 25 tuổi
- ❑ Học lực cấp THPT: điểm trung bình trên 7.0
- ❑ Có trình độ tiếng Nhật từ N4 trở lên và tiếng Anh IELTS từ 4.5 trở lên.
- ❑ Có động cơ du học Nhật Bản và kế hoạch học tập cụ thể và rõ ràng.
- ❑ Ưu tiên những thí sinh có thành tích cao trong các giải quốc gia, khu vực và quốc tế như thi hùng biện, khoa học, thể thao, văn hóa, nghệ thuật.

Lịch tuyển chọn

選考スケジュール

2024	4	Tuyển sinh 募集	Thông tin tuyển dụng được đăng trên trang web của Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh 総領事館HPに募集情報を掲載
	5	Tuyển chọn vòng 1 一次選考	①Thẩm định hồ sơ (tháng 5 đến tháng 6) 書類審査 (5~6月) ②Thi viết (tháng 6) 筆記試験 (6月) ※総領事館で実施 ③Thi vấn đáp (tháng 7) 面接試験 (7月)
	6		
	7		
	8	Tiến cử về MEXT 文部科学省に推薦	Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam gửi kết quả vòng sơ tuyển đến MEXT 在ベトナム日本大使館が一次選考の結果をMEXTに送付
	9		
	10	Tuyển chọn vòng 2 二次選考	MEXT tiến hành xét duyệt hồ sơ và điều chỉnh việc tiếp nhận tại các trường đại học MEXTで書類選考・大学などでの受入れ調整
	11		
	12		
2025	1	Thông báo kết quả 結果発表	Xác định kết quả tuyển chọn cuối cùng 最終的な選考結果の確定
	2		
	3	thủ tục nhập cảnh 入国手続き	Nhận vé máy bay và xin visa du học 航空券の受け取りと留学ビザの取得
	4	Sang Nhật Bản 渡日	Học dự bị tiếng Nhật: 6 tháng ~ 1 năm 6ヶ月~1年間の日本語予備教育 *Cũng có chương trình đến Nhật Bản vào tháng 9 đến tháng 10 9~10月渡日もあり

Một số tài liệu cần thiết để ứng tuyển

応募に必要な書類の一部

*Phải xác nhận những hồ sơ cần nộp theo Hướng dẫn tuyển sinh và trên trang Web của Đại sứ quán Nhật Bản

Các loại hồ sơ cần nộp	Những điểm cần lưu ý
Đơn xin cấp học bổng	Kiểm tra cẩn thận tránh sai sót.
Lĩnh vực chuyên môn và kế hoạch nghiên cứu	(Chỉ lưu học sinh nghiên cứu sinh cần nộp)
Bảng điểm học tập	*Cần xác nhận đúng giấy tờ cần nộp trên Hướng dẫn tuyển sinh và trên trang web của Đại sứ quán Nhật Bản.
Bằng tốt nghiệp	*Cần xác nhận đúng giấy tờ cần nộp trên Hướng dẫn tuyển sinh và trên trang web của Đại sứ quán Nhật Bản.
Thư giới thiệu	Phải là thư giới thiệu của hiệu trưởng hoặc giáo viên chủ nhiệm. Nếu đang công tác thì cần nộp thêm thư giới thiệu của lãnh đạo, cấp trên cơ quan công tác.
Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ	Cần nộp trang có ghi rõ điểm thi đánh giá năng lực.
Chứng nhận kết quả thi EJU	(Chỉ những người tham gia dự thi mới cần nộp)
Giấy tờ ghi rõ động cơ muốn đi du học Nhật Bản và Kế hoạch học tập.	(Chỉ dành cho lưu học sinh đại học)

Thi viết

筆記試験

Đối tượng dự thi	Các môn thi	Số lượng môn thi
LHS nghiên cứu sinh	tiếng Anh, tiếng Nhật	2 môn
LHS đại học ngành khoa học xã hội	tiếng Anh, tiếng Nhật, toán A	3 môn
LHS đại học ngành khoa học tự nhiên A	tiếng Anh, tiếng Nhật, toán B, vật lý, hóa học	5 môn
LHS đại học ngành khoa học tự nhiên B và C	tiếng Anh, tiếng Nhật, toán B, hóa học, sinh vật	5 môn
LHS cao đẳng	tiếng Anh, tiếng Nhật, toán, vật lý,	4 môn
LHS trung cấp chuyên nghiệp	tiếng Anh, tiếng Nhật, toán	3 môn

Dù chương trình tại Nhật Bản học bằng tiếng Anh thì các thí sinh đều phải dự thi môn Tiếng Nhật.

Thi vấn đáp 面接試験

- I. Đánh giá về con người.
- II. Động cơ du học Nhật Bản
- III. Tính cụ thể trong kế hoạch học tập
- IV. Hiểu biết chung về Nhật Bản
(ví dụ: tình hình xã hội, kinh tế, văn hóa Nhật Bản vv..)

Học bổng Chính phủ Nhật Bản (Monbukagakusho)

(Học bổng MEXT) 日本政府(文部科学省)奨学金 (MEXT奨学金)

Có 2 cách thức tuyển chọn học bổng MEXT.

MEXT奨学金には2種類の選考方法があります。

1. Học bổng do Đại sứ quán Nhật Bản tiền cử 大使館推薦

Đại sứ quán Nhật Bản tiến hành tuyển chọn và tiến cử danh sách lên Bộ Giáo dục và Khoa học Nhật Bản (Mext)

日本大使館が行う選考に合格した者を
文部科学省に推薦する

2. Học bổng do Trường đại học tiến cử 大学推薦

Đối tượng là những sinh viên du học theo khuôn khổ Hiệp định giao lưu giữa các trường đại học, trường đại học Nhật Bản sẽ tiến cử những sinh viên ưu tú lên Bộ Giáo dục và Khoa học Nhật Bản (Mext)

大学間交流協定により留学をする学生のうち、
優秀な者を大学が文部科学省に推薦する

2. Học bổng do Trường đại học tiến cử 大学推薦

trình độ sau đại học 大学院レベル

- ① Lưu học sinh nghiên cứu sinh
(Research Students)
研究留学生

Đề cử từ các trường đại học được thực hiện cho sinh viên của các trường đại học có thỏa thuận hợp tác với các trường đại học Nhật Bản.

Vào khoảng tháng 12, sẽ có thông báo tuyển sinh từ các trường đại học Nhật Bản (lịch trình có thể khác nhau tùy theo trường). Vui lòng kiểm tra với trường của bạn để biết thêm chi tiết.

大学推薦は、日本の大学と交流協定等のある大学の学生が対象です。12月頃に、日本の大学から募集があります。（大学によってスケジュールが異なります。）
詳細は、自分が所属する大学に確認してください。

trình độ đại học 大学レベル

- ② Lưu học sinh đại học
(Undergraduate Students)
学部留学生
- ③ Lưu học sinh cao đẳng
(College of Technology Students)
高等専門学校留学生
- ④ Lưu học sinh ngành tiếng Nhật
và văn hóa Nhật Bản
日本語・日本文化研修留学生

Hãy tìm hiểu và nộp hồ sơ đăng ký học bổng nhé!

Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam

Tổng lãnh sự quán Nhật Bản
tại Tp.Hồ Chí Minh

Trang web tiếng Việt



Facebook



Trang web tiếng Việt



Facebook



**Trên trang web thông tin du học
"Study in Japan" được chính phủ
Nhật Bản công nhận, bạn có thể
xem miễn phí đề thi cũ của kỳ thi
du học quốc gia và EJU.**

kỳ thi du học quốc gia



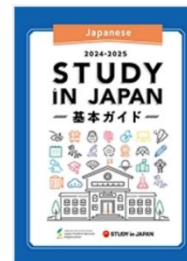
EJU



Thông báo của Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Hồ Chí Minh

Study in Japan Basic Guide

Cuốn sách này đăng những thông tin về sự hấp dẫn của du học Nhật Bản, những chi phí cần thiết, cơ hội việc làm và những trải nghiệm du học. Tiếng Việt.



Scholarship for International Students in Japan

Đây là danh sách học bổng du học Nhật Bản. (Ấn bản 2024-2025) chỉ có phiên bản tiếng Anh.



Study in Japan website

Đây là trang thông tin du học được chính phủ Nhật Bản công nhận. Tiếng Việt.



<https://www.studyinJapan.go.jp/vi/>

